



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308 ngày 22 tháng 11 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 12 ngày 22 tháng 11 năm 2017. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

| | | |
|--------------------------|---------------------------|------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Vũ Đức Giang | Chủ tịch |
| | Ông Phạm Duy Hạnh | Thành viên |
| | Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | Thành viên |
| | Bà Nguyễn Thiên Lý | Thành viên |
| | Ông Thân Đức Việt | Thành viên |

| | | |
|--------------------------|---|---|
| Ban Tổng Giám đốc | Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | Tổng Giám đốc |
| | Bà Nguyễn Thiên Lý | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Thân Đức Việt | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Trần Trọng Kim | Phó Tổng Giám đốc (từ 1 tháng 11 năm 2017) |
| | Ông Bạch Thăng Long | Phó Tổng Giám đốc (từ 1 tháng 11 năm 2017) |
| | Bà Nguyễn Thị Bích Thủy | Giám đốc điều hành |
| | Ông Nguyễn Ánh Dương | Giám đốc điều hành |
| | Bà Phạm Bích Hồng | Giám đốc điều hành (từ 1 tháng 11 năm 2017) |
| Ông Hoàng Thế Nhu | Giám đốc điều hành (từ 1 tháng 11 năm 2017) | |

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143-m



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 1.002.251.570.842 | 894.184.126.087 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 148.153.352.677 | 223.639.575.293 |
| Tiền | 111 | | 91.553.352.677 | 222.739.575.293 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 56.600.000.000 | 900.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 1.100.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | 1.100.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 381.468.837.811 | 315.069.058.982 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 334.806.988.156 | 299.292.346.284 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 28.445.499.772 | 9.586.763.869 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 6(a) | 20.283.784.832 | 7.637.153.297 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 7 | (2.067.434.949) | (1.447.204.468) |
| Hàng tồn kho | 140 | 8 | 452.685.264.125 | 302.405.340.702 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 456.317.985.567 | 305.769.885.973 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (3.632.721.442) | (3.364.545.271) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 19.944.116.229 | 51.970.151.110 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.874.744.283 | 4.541.084.011 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 17.615.720.946 | 47.429.067.099 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | | 453.651.000 | - |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 361.868.330.955 | 378.277.194.426 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 36.914.670.215 | 52.594.904.532 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 5 | 2.067.434.949 | 2.905.344.268 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 9.702.887.534 | 9.702.887.534 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 6(b) | 25.144.347.732 | 39.986.672.730 |
| Tài sản cố định | 220 | | 289.257.534.628 | 290.229.838.976 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 286.857.325.261 | 288.492.562.940 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.067.775.753.624 | 944.449.398.379 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (780.918.428.363) | (655.956.835.439) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 10 | 273.000.000 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 280.800.000 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (7.800.000) | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 2.127.209.367 | 1.737.276.036 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 6.787.099.483 | 5.320.099.483 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (4.659.890.116) | (3.582.823.447) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 6.387.971.110 | 632.309.393 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 6.387.971.110 | 632.309.393 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.097.321.861 | 1.097.321.861 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | 13 | 1.097.321.861 | 1.097.321.861 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 28.210.833.141 | 33.722.819.664 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 28.210.833.141 | 33.722.819.664 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.364.119.901.797 | 1.272.461.320.513 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 995.689.488.381 | 1.046.389.720.881 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 805.382.755.357 | 832.390.425.172 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 254.619.824.040 | 206.778.889.918 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 36.161.584.788 | 30.141.305.727 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 3.305.954.676 | 5.803.833.981 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 148.038.272.750 | 188.314.689.579 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17(a) | 1.909.961.909 | 127.431.616.107 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 18(a) | 358.848.468.425 | 263.614.850.925 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 19 | 2.498.688.769 | 10.305.238.935 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 190.306.733.024 | 213.999.295.709 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | 15 | 208.571.000 | 537.711.814 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 46.829.462.331 | 73.927.408.503 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 17(b) | 12.142.634.310 | 11.475.000.000 |
| Vay dài hạn | 338 | 18(b) | 120.445.161.583 | 115.939.457.543 |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 10.680.903.800 | 12.119.717.849 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 368.430.413.416 | 226.071.599.632 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 368.430.413.416 | 226.071.599.632 |
| Vốn cổ phần | 411 | 21 | 189.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 189.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 46.268.000.000 | 170.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 23 | 76.276.819.147 | 70.120.819.147 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 56.885.594.269 | 55.780.780.485 |
| - LNST chưa phân phối đến cuối năm trước | 421a | | 5.161.780.485 | 4.723.993.935 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 51.723.813.784 | 51.056.786.550 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.364.119.901.797 | 1.272.461.320.513 |

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 25 | 3.019.798.618.427 | 2.919.375.476.759 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 25 | 548.107.703 | 477.426.316 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 25 | 3.019.250.510.724 | 2.918.898.050.443 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 26 | 2.579.733.161.333 | 2.483.312.134.077 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 439.517.349.391 | 435.585.916.366 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 16.898.094.695 | 18.920.207.252 |
| Chi phí tài chính | 22 | 28 | 20.169.591.806 | 22.776.287.984 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>12.090.445.671</i> | <i>9.377.712.135</i> |
| Chi phí bán hàng | 25 | 29 | 175.181.099.907 | 167.857.169.317 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 30 | 199.605.929.410 | 205.171.962.129 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 61.458.822.963 | 58.700.704.188 |
| Thu nhập khác | 31 | | 1.652.716.899 | 2.160.095.487 |
| Chi phí khác | 32 | | 1.647.804.566 | 531.856.738 |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 4.912.333 | 1.628.238.749 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 61.463.735.296 | 60.328.942.937 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 32 | 9.739.921.512 | 9.272.156.387 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 51.723.813.784 | 51.056.786.550 |

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|--|------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 61.463.735.296 | 60.328.942.937 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 139.624.011.236 | 121.930.181.886 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 888.406.652 | (2.381.827.736) |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 765.405.084 | 3.853.697.606 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.771.266.019) | (1.971.269.848) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 12.090.445.671 | 9.377.712.135 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 213.060.737.920 | 191.137.436.980 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản khác | 09 | | (21.771.595.791) | (23.421.838.332) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (150.548.099.594) | 6.624.723.456 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (11.952.182.933) | (18.062.792.776) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 10.044.272.327 | (3.228.877.620) |
| | | | 38.833.131.929 | 153.048.651.708 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (12.194.461.416) | (10.294.925.012) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (10.208.772.896) | (8.973.808.347) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 2.087.350.000 | 6.849.986.321 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (28.090.838.166) | (14.496.706.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (9.573.590.549) | 126.133.198.170 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định | 21 | | (157.131.743.266) | (179.031.066.787) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | | 633.271.819 | 628.770.001 |
| Rút tiền gửi có kỳ hạn | 24 | | 1.100.000.000 | 800.000.000 |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | - | 3.828.000.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 2.032.134.863 | 897.772.722 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (153.366.336.584) | (172.876.524.064) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|--|--------------|--------------------|-------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu phát hành cổ phiếu | 31 | | 15.300.000.000 | 120.000.000.000 |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 1.250.983.564.788 | 1.144.603.071.975 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (1.151.580.462.618) | (1.047.738.912.314) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | (27.210.520.450) | (19.548.944.923) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 87.492.581.720 | 197.315.214.738 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (75.447.345.413) | 150.571.888.844 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 223.639.575.293 | 73.075.915.467 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (38.877.203) | (8.229.018) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 4 | 148.153.352.677 | 223.639.575.293 |

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 1 công ty con (1/1/2017: 1 công ty con) được trình bày tại Thuyết minh 13.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có 7.240 nhân viên (1/1/2017: 7.802 nhân viên).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Tổng công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao nhanh đối với một số thiết bị quản lý, máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 1,5 – 5 năm |

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Giá mua tài sản cố định vô hình khác là phim tài liệu lịch sử 70 năm May 10 được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí như chi phí sửa chữa và chi phí nâng cấp, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh riêng trong vòng 18 tháng đến 36 tháng.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê (nếu có).

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty con của Tổng công ty, Tập đoàn Dệt may Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.654.666.251 * | 3.129.871.232 |
| Tiền gửi ngân hàng | 89.898.686.426 | 219.609.704.061 |
| Các khoản tương đương tiền | 56.600.000.000 | 900.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 148.153.352.677 | 223.639.575.293 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Brandtex A/C | 41.494.361.256 | 33.964.359.971 |
| Oktava Hong Kong Limited | 17.004.821.274 | 31.276.469.690 |
| Lever Shirt Limited | 77.831.467.589 | 9.718.141.451 |
| Các khách hàng khác | 200.543.772.986 | 227.238.719.440 |
| | 336.874.423.105 | 302.197.690.552 |

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|----------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 334.806.988.156 | 299.292.346.284 |
| Dài hạn | 2.067.434.949 | 2.905.344.268 |
| | 336.874.423.105 | 302.197.690.552 |

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam | 6.092.704.925 | 1.150.075.053 |

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước | 16.144.143.510 | 5.000.191.446 |
| Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất | 941.280.600 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 850.000.000 | 850.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 2.348.360.722 | 1.786.961.851 |
| | <hr/> | |
| | 20.283.784.832 | 7.637.153.297 |
| | <hr/> | |

(b) Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của Công ty TNHH Thiệu Đô từ tiền khách hàng ứng trước | 23.752.920.000 | 37.551.835.274 |
| Đặt cọc dài hạn | 1.280.346.324 | 2.308.919.348 |
| Phải thu dài hạn khác | 111.081.408 | 125.918.108 |
| | <hr/> | |
| | 25.144.347.732 | 39.986.672.730 |
| | <hr/> | |

Handwritten signature

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

| | 31/12/2017 | | | 1/1/2017 | | | | |
|---|--------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|--------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|
| | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Việt Hàn Huệ Nguyễn Glee Co | Trên 3 năm | 2.067.434.949 | (2.067.434.949) | - | 2 - 3 năm | 2.067.434.949 | (1.447.204.468) | 620.230.481 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn | | | (2.067.434.949) | | | | (1.447.204.468) | |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 39.052.096.639 | - | 12.318.915.643 | - |
| Nguyên vật liệu | 222.373.346.359 | - | 142.590.143.558 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 1.753.168.848 | - | 1.141.477.852 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 33.666.799.190 | - | 19.889.663.194 | - |
| Thành phẩm | 116.621.116.768 | (3.632.721.442) | 85.324.125.315 | (3.364.545.271) |
| Hàng hóa | 22.149.404.416 | - | 28.181.817.383 | - |
| Hàng gửi đi bán | 20.702.053.347 | - | 16.323.743.028 | - |
| | <hr/> | | <hr/> | |
| | 456.317.985.567 | (3.632.721.442) | 305.769.885.973 | (3.364.545.271) |

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 6.923 triệu VND thành phẩm (1/1/2017: 8.941 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. *M*

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị quản lý VND | Tổng cộng VND |
|--|---|--|---|-------------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 250.263.874.086 | 575.299.458.675 | 46.085.411.772 | 72.800.653.846 | 944.449.398.379 |
| Phân loại lại | - | 495.189.997 | - | (495.189.997) | - |
| Tăng trong năm | 757.637.962 | 116.108.881.599 | 1.778.000.000 | 7.569.871.468 | 126.214.391.029 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12) | 8.301.392.595 | 4.062.046.026 | - | 195.628.123 | 12.559.066.744 |
| Thanh lý | (3.649.592.557) | (10.419.233.226) | - | (581.185.545) | (14.650.011.328) |
| Biến động khác | - | (797.091.200) | - | - | (797.091.200) |
| Số dư cuối năm | 255.673.312.086 | 684.749.251.871 | 47.863.411.772 | 79.489.777.895 | 1.067.775.753.624 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 157.575.649.296 | 428.323.580.795 | 27.036.321.666 | 43.021.283.682 | 655.956.835.439 |
| Phân loại lại | (4.943.567.280) | 4.994.422.092 | (2.164.274) | (48.690.538) | - |
| Khấu hao trong năm | 23.528.708.982 | 97.106.444.675 | 6.050.490.628 | 12.201.233.615 | 138.886.877.900 |
| Thanh lý | (2.813.444.856) | (10.419.233.226) | - | (581.185.545) | (13.813.863.627) |
| Biến động khác | - | (111.421.349) | - | - | (111.421.349) |
| Số dư cuối năm | 173.347.346.142 | 519.893.792.987 | 33.084.648.020 | 54.592.641.214 | 780.918.428.363 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 92.688.224.790 | 146.975.877.880 | 19.049.090.106 | 29.779.370.164 | 288.492.562.940 |
| Số dư cuối năm | 82.325.965.944 | 164.855.458.884 | 14.778.763.752 | 24.897.136.681 | 286.857.325.261 |

ng

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 519.726 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 416.505 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 54.949 triệu VND (1/1/2017: 132.418 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 18(b)).

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị VND |
|--|--|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | - |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12) | 280.800.000 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 280.800.000 |
| | <hr/> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | - |
| Khấu hao trong năm | 7.800.000 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 7.800.000 |
| | <hr/> |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | - |
| Số dư cuối năm | 273.000.000 |
| | <hr/> M |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**11. Tài sản cố định vô hình**

| | Phần mềm máy vi tính VND | Công nghệ sản xuất veston VND | Tài sản cố định vô hình khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|---|--|---|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.434.101.835 | 697.997.648 | 2.188.000.000 | 5.320.099.483 |
| Tăng trong năm | 1.467.000.000 | - | - | 1.467.000.000 |
| Số dư cuối năm | 3.901.101.835 | 697.997.648 | 2.188.000.000 | 6.787.099.483 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.434.101.835 | 697.997.648 | 450.723.964 | 3.582.823.447 |
| Khấu hao trong năm | 347.733.328 | - | 729.333.341 | 1.077.066.669 |
| Số dư cuối năm | 2.781.835.163 | 697.997.648 | 1.180.057.305 | 4.659.890.116 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | 1.737.276.036 | 1.737.276.036 |
| Số dư cuối năm | 1.119.266.672 | - | 1.007.942.695 | 2.127.209.367 |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.132 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 3.132 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2017 | 2016 |
|--|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 632.309.393 | 951.471.940 |
| Tăng trong năm | 20.461.474.537 | 49.897.099.990 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9) | (12.559.066.744) | (44.759.000.570) |
| Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính (Thuyết minh 10) | (280.800.000) | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14) | (1.865.946.076) | (5.457.261.967) |
| | 6.387.971.110 | 632.309.393 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Nhà ở cán bộ công nhân viên | - | 632.309.393 |
| Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm Tổng Công ty | 6.387.971.110 | - |
| | 6.387.971.110 | 632.309.393 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư vào công ty con

| | Địa chỉ | 31/12/2017 và 1/1/2017 | |
|---------------------------|------------------|---------------------------|----------------|
| | | % sở hữu và biểu quyết | Giá gốc VND |
| Công ty TNHH May Phù Đồng | Hà Nội, Việt Nam | 60,97% | 1.097.321.861 |

14. Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí thuê trả trước VND | Chi phí trả trước khác VND | Tổng cộng VND |
|--|------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 12.919.949.105 | 7.869.995.739 | 12.932.874.820 | 33.722.819.664 |
| Phân loại lại | 72.904.054 | (6.433.542.413) | 6.360.638.359 | - |
| Tăng trong năm | 9.214.178.537 | 2.211.368.890 | 8.721.003.231 | 20.146.550.658 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12) | 1.763.716.076 | - | 102.230.000 | 1.865.946.076 |
| Phân bổ trong năm | (14.962.980.590) | (1.545.128.888) | (11.016.373.779) | (27.524.483.257) |
| Số dư cuối năm | 9.007.767.182 | 2.102.693.328 | 17.100.372.631 | 28.210.833.141 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|-----------------------|---|-----------------|
| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
| | VND | VND |
| Công ty TNHH G.M.I | 11.702.271.100 | 21.555.454.800 |
| Levertex Limited | 87.083.638.373 | 28.756.207.094 |
| Các nhà cung cấp khác | 156.042.485.567 | 157.004.939.838 |
| | 254.828.395.040 | 207.316.601.732 |

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|----------|---|-----------------|
| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 254.619.824.040 | 206.778.889.918 |
| Dài hạn | 208.571.000 | 537.711.814 |
| | 254.828.395.040 | 207.316.601.732 |

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|---------------------------|---|-----------------|
| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
| | VND | VND |
| Công ty con | | |
| Công ty TNHH May Phù Đổng | 3.796.490.595 | 3.526.607.628 |
| | 3.796.490.595 | 3.526.607.628 |

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2017 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND | Chuyển sang thuế phải thu VND | 31/12/2017 VND |
|----------------------------|-------------------------|--|---|--|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 2.270.937.789 | 28.561.067.159 | (30.079.823.112) | - | 752.181.836 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.006.562.720 | 9.739.921.512 | (10.208.772.896) | - | 1.537.711.336 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 713.729.079 | 9.286.865.872 | (9.395.714.811) | - | 604.880.140 |
| Thuế nhà thầu | 812.604.393 | 526.465.953 | (1.000.337.675) | - | 338.732.671 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 1.604.634.767 | (1.532.186.074) | - | 72.448.693 |
| Thuế đất | - | 7.267.785.143 | (7.721.436.143) | 453.651.000 | - |
| Các loại thuế khác | - | 64.007.100 | (64.007.100) | - | - |
| | 5.803.833.981 | 57.050.747.506 | (60.002.277.811) | 453.651.000 | 3.305.954.676 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|----------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải trả phát hành cổ phiếu | - | 120.000.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 441.215.674 | 2.891.809.090 |
| Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế | - | 121.577.837 |
| Cổ tức phải trả | 240.534.627 | 451.055.077 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.228.211.608 | 3.967.174.103 |
| | 1.909.961.909 | 127.431.616.107 |

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Đặt cọc dài hạn | 2.142.634.310 | 1.475.000.000 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi dài hạn | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| | 12.142.634.310 | 11.475.000.000 |

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2017 | Biến động trong năm | | 31/12/2017 |
|-------------------------|-----------------------|----------------------------|---------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Tăng | Giảm | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 229.657.890.925 | 1.223.924.770.929 | (1.120.546.293.429) | 333.036.368.425 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 33.956.960.000 | 25.765.900.000 | (33.910.760.000) | 25.812.100.000 |
| | 263.614.850.925 | 1.249.690.670.929 | (1.154.457.053.429) | 358.848.468.425 |

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá Tổng công ty có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---------------------|-----------|-------------------|-----------------|
| Khoản vay ngân hàng | USD | 333.036.368.425 | 229.657.890.925 |

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không được đảm bảo bằng tài sản. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Năm đáo hạn | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---------------------------------------|-----------|-------------|-------------------|------------------|
| Vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình | VND | 2018 - 2020 | 9.702.887.543 | 9.702.887.543 |
| Khoản vay ngân hàng | VND | 2015 - 2022 | 75.229.769.040 | 55.701.000.000 |
| Khoản vay ngân hàng | USD | 2015 - 2022 | 60.088.605.000 | 83.570.930.000 |
| Vay cá nhân | VND | 2018 - 2022 | 1.236.000.000 | 921.600.000 |
| | | | 146.257.261.583 | 149.896.417.543 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | | (25.812.100.000) | (33.956.960.000) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | | | 120.445.161.583 | 115.939.457.543 |

Khoản vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình không được đảm bảo và không chịu lãi.

Các khoản vay ngân hàng có lãi cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo có giá trị ghi sổ là 54.949 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 132.418 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2017 | 2016 |
|---------------------|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 10.305.238.935 | 5.978.215.435 |
| Trích lập trong năm | 17.463.000.000 | 16.636.000.000 |
| Tăng khác | 2.087.350.000 | 2.187.730.000 |
| Sử dụng trong năm | (27.356.900.166) | (14.496.706.500) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 2.498.688.769 | 10.305.238.935 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------|---|--|--|--------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 100.000.000.000 | 170.000.000 | 64.247.819.147 | 47.232.993.935 | 211.650.813.082 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 51.056.786.550 | 51.056.786.550 |
| Phân bổ vào các quỹ | - | - | 5.873.000.000 | (5.873.000.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (16.636.000.000) | (16.636.000.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | - | (20.000.000.000) | (20.000.000.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 100.000.000.000 | 170.000.000 | 70.120.819.147 | 55.780.780.485 | 226.071.599.632 |
| Phát hành cổ phiếu | 89.000.000.000 | 46.098.000.000 | - | - | 135.098.000.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 51.723.813.784 | 51.723.813.784 |
| Phân bổ vào các quỹ | - | - | 6.156.000.000 | (6.156.000.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (17.463.000.000) | (17.463.000.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | - | (27.000.000.000) | (27.000.000.000) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 189.000.000.000 | 46.268.000.000 | 76.276.819.147 | 56.885.594.269 | 368.430.413.416 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|--|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 18.900.000 | 189.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông | 18.900.000 | 189.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông | 18.900.000 | 189.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

| | 2017 | | 2016 | |
|------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 10.000.000 | 100.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |
| Cổ phiếu phát hành trong năm | 8.900.000 | 89.000.000.000 | - | - |
| Số dư cuối năm | 18.900.000 | 189.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |

22. Cổ tức

Ngày 4 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty đã thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2016 với số tiền là 27.000 triệu VND (2016: 20.000 triệu VND).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 4 tháng 5 năm 2017, Tổng công ty đã trích lập 6.156 triệu VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2016 (2016: 5.873 triệu VND) vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|------------------|------------|-----------------|-----------|-----------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| Đô la Mỹ (“USD”) | 3.481.037 | 78.897.954.821 | 3.403.786 | 77.334.027.236 |
| Euro (“EUR”) | 13 | 358.937 | 23 | 545.016 |
| | | 78.898.313.758 | | 77.334.572.252 |

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 126.866.165.290 | 107.636.405.818 |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 5.815.906.369 | 6.177.318.080 |
| | 132.682.071.659 | 113.813.723.898 |

(c) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|----------------------------|-----------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 7.300.672.680 | 8.180.966.894 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 29.202.690.720 | 32.723.867.576 |
| Sau năm năm | 101.870.939.490 | 127.010.141.427 |
| | 138.374.302.890 | 167.914.975.897 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2017 VND | 2016 VND |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán hàng | 2.337.222.464.406 | 2.209.286.926.693 |
| ▪ Cung cấp dịch vụ | 33.805.058.777 | 19.563.520.823 |
| ▪ Gia công | 648.771.095.244 | 690.525.029.243 |
| | <hr/> 3.019.798.618.427 | <hr/> 2.919.375.476.759 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (548.107.703) | (477.426.316) |
| Doanh thu thuần | <hr/> <hr/> 3.019.250.510.724 | <hr/> <hr/> 2.918.898.050.443 |

26. Giá vốn hàng bán

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung ứng | 2.579.464.985.162 | 2.486.107.448.806 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 268.176.171 | (2.795.314.729) |
| | <hr/> 2.579.733.161.333 | <hr/> 2.483.312.134.077 |

27. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi | 1.618.386.438 | 723.772.722 |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính | - | 348.000.000 |
| Cổ tức được chia | 355.755.463 | 587.748.425 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 14.329.809.317 | 16.889.656.494 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 594.143.477 | 371.029.611 |
| | <hr/> 16.898.094.695 | <hr/> 18.920.207.252 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**28. Chi phí tài chính**

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 12.090.445.671 | 9.377.712.135 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 7.191.067.169 | 9.487.110.243 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 765.405.084 | 3.853.697.606 |
| Chi phí tài chính khác | 122.673.882 | 57.768.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 20.169.591.806 | 22.776.287.984 |

29. Chi phí bán hàng

| | 2017 VND | 2016 VND |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên | 21.467.199.280 | 19.223.277.661 |
| Chi phí quảng cáo | 12.239.243.516 | 9.420.708.920 |
| Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu | 41.460.403.491 | 40.047.593.591 |
| Chi phí xuất khẩu | 26.723.988.827 | 27.830.295.231 |
| Chi phí thuê cửa hàng | 15.789.865.197 | 14.869.588.017 |
| Chi phí bán hàng khác | 57.500.399.596 | 56.465.705.897 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 175.181.099.907 | 167.857.169.317 |

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên | 96.264.491.984 | 94.230.364.062 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 28.733.681.876 | 25.413.528.875 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.416.121.350 | 18.439.807.507 |
| Trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 620.230.481 | 413.486.993 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 56.571.403.719 | 66.674.774.692 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 199.605.929.410 | 205.171.962.129 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 1.375.771.797.264 | 1.355.198.885.334 |
| Chi phí nhân viên | 755.670.387.604 | 728.284.215.950 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 139.624.011.236 | 121.930.181.886 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 561.369.082.669 | 513.776.307.083 |
| Chi phí khác | 165.504.936.678 | 119.376.746.395 |

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 9.694.247.565 | 9.272.156.387 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 45.673.947 | - |
| | 9.739.921.512 | 9.272.156.387 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2017 VND | 2016 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 61.463.735.296 | 60.328.942.937 |
| Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán | | |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 6.332.380.491 | 7.251.659.206 |
| Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | - | + (1.778.020.781) |
| Thu nhập không chịu thuế: | | |
| ▪ Cổ tức được chia | (355.755.463) | (587.748.425) |
| Thu nhập chịu thuế trong năm | 67.440.360.324 | 65.214.832.937 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất của Tổng công ty | 13.488.072.065 | 13.042.966.587 |
| ▪ Chi phí cho lao động nữ | (3.793.824.500) | (3.770.810.200) |
| ▪ Dự phòng thiếu trong những năm trước | 45.673.947 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 9.739.921.512 | 9.272.156.387 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, từ năm 2016 Tổng công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|----------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Công ty con | | |
| Công ty TNHH May Phù Đồng | | |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 22.167.476.983 | 19.287.428.804 |
| Cổ tức được chia | 355.755.463 | 413.748.425 |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 1.336.331.427 | 66.654.702 |
| Công ty liên quan khác | | |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam | | |
| Chia cổ tức | 9.588.186.000 | 7.102.360.000 |
| Mua dịch vụ | 372.000.000 | - |
| Bán hàng hóa | 20.635.053.843 | 11.445.272.458 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát | | |
| Tiền lương và thưởng | 15.293.577.080 | 12.199.331.804 |

Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Tạ Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc